

## XUẤT NHẬP KHẨU BỨT PHÁ TRONG GIAI ĐOẠN QUÝ 2

### CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

**Bùi Thị Quỳnh Nga**  
ngabui@phs.vn

- Xuất nhập khẩu Quý 2 của Việt Nam tăng tốc khi hoạt động thương mại toàn cầu sôi động trở lại. Triển vọng đơn hàng gia tăng khiến cho các công ty tăng tốc nhập khẩu. Cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư lũy kế cao nhất từ trước đến nay.
- Hoạt động xuất khẩu của khu vực nội địa tăng trưởng tốt hơn so với khu vực FDI. Nhóm các sản phẩm đồ điện tử, gỗ và sản phẩm gỗ, nông sản, chất dẻo và cao su đang và sẽ tiếp tục là các nhóm ngành tiếp tục hỗ trợ xuất khẩu cho khu vực trong nước.
- Những rủi ro về nền kinh tế toàn cầu chậm lại, đặc biệt là đối với thị trường Mỹ - thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vẫn sẽ là yếu tố cần được theo dõi chặt chẽ hơn trong phần còn lại của năm 2024.

**Xuất nhập khẩu quý 2** tăng tốc so với Quý 1. Hoạt động nhập khẩu cho thấy sự bứt phá rõ nét trong Quý 2, ghi nhận mức tăng trưởng cao hơn so với xuất khẩu, đạt gần 21.3% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động nhập khẩu tăng mạnh hơn so với xuất khẩu cũng đã khiến cho cán cân thương mại trong Quý 2 thu hẹp lại, đạt 4.05 tỷ - mức thấp nhất từ đầu năm 2023 đến nay. Tuy nhiên, lũy kế 6 tháng đầu năm, cán cân thương mại vẫn thặng dư 11.85 tỷ USD - mức thặng dư kỷ lục từ trước đến nay.

**Xét theo khu vực**, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước tiếp tục cho thấy sự bứt phá tốt hơn so với khu vực FDI trong Quý 2 và 6 tháng đầu năm. Trong đó, xuất khẩu của khu vực trong nước tăng 21.7%, khu vực FDI tăng 13.6% so với cùng kỳ năm trước.

**Xét về đối tác xuất khẩu**, tăng trưởng xuất khẩu trong Quý 2 sang 3 thị trường lớn bao gồm Mỹ, Trung Quốc và EU ghi nhận sự chậm lại ở thị trường Trung Quốc với mức tăng trưởng nhẹ chỉ hơn 4%. Tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc chậm lại, yếu hơn dự kiến trong Quý 2/2024 là yếu tố chính đã tác động đến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

**Xét theo các mặt hàng chủ lực**: Xuất khẩu đồ điện tử, máy móc thiết bị, và gỗ & sản phẩm gỗ là 3 nhóm hàng có mức tăng trưởng xuất khẩu cao nhất bình quân 3 tháng kề so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, nhóm ngành sắt thép và dệt may, da giày, túi xách đang cho thấy mức tăng trưởng yếu ớt hơn so với các ngành hàng xuất khẩu chủ lực còn lại.

**Bảng 1: Tình hình thương mại 6 tháng đầu năm 2024.**

	Tỷ trọng	Q1	Q2	Jun-24	YTD
<b>Kim ngạch Xuất khẩu (Triệu USD)</b>		<b>92,881</b>	<b>97,854</b>	<b>34,456</b>	<b>190,735</b>
Khu vực FDI	72%	67,167	69,627	24,862	136,795
Khu vực trong nước	28%	25,714	28,227	9,594	53,940
<b>Kim ngạch Nhập khẩu (Triệu USD)</b>		<b>85,080</b>	<b>93,808</b>	<b>31,223</b>	<b>178,888</b>
Khu vực FDI	63%	54,326	58,973	19,788	113,299
Khu vực trong nước	37%	30,754	34,835	11,434	19,179
<b>Cán cân thương mại (Triệu USD)</b>		<b>7,801</b>	<b>4,046</b>	<b>3,233</b>	<b>11,847</b>
<b>Tăng trưởng Xuất khẩu (YoY)</b>		<b>17.12%</b>	<b>14.61%</b>	<b>16.96%</b>	<b>15.82%</b>
<b>Tăng trưởng Nhập khẩu (YoY)</b>		<b>14.22%</b>	<b>21.28%</b>	<b>18.86%</b>	<b>17.82%</b>
<b>Tăng trưởng xuất khẩu sang các thị trường lớn</b>					
Mỹ	29%	24.20%	23.37%	29.40%	23.80%
Trung Quốc	13%	10.11%	4.02%	-7.80%	6.80%
EU	13%	17.46%	13.48%	19.70%	15.40%
<b>Tăng trưởng nhập khẩu từ các thị trường lớn</b>					
Trung Quốc	38%	29.13%	38.27%	36.82%	33.92%
Hàn Quốc	14%	2.12%	18.25%	20.13%	10.07%
ASEAN	12%	11.01%	13.81%	4.16%	12.40%

Nguồn: PHS tổng hợp